

**CÔNG TY CP DOMENAL**

Mã cổ phiếu: DMN

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----

Số: **81/2025/DMN**

*Đồng Tháp, ngày 30 tháng 08 năm 2025*

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công Ty Cổ phần Domenal thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) như sau:

**1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

- Mã chứng khoán: DMN
- Địa chỉ: Quốc lộ 30, ấp 1, xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại: 0277.3890711 – 039 5551044
- Email: [ngocyen.dmn@gmail.com](mailto:ngocyen.dmn@gmail.com) hoặc [vodinhhai2011@gmail.com](mailto:vodinhhai2011@gmail.com)
- Website: <http://domenal.com.vn/>

**2. Nội dung thông tin công bố:**

**BCTC giữa niên độ được soát xét năm 2025**

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/8/2025 tại đường dẫn: <http://domenal.com.vn/quan-he-co-dong.html>

Trân trọng!

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC giữa niên độ được soát xét năm 2025
- Văn bản giải trình

Nơi gửi:

- Như kính gửi
- HĐQT, BKS để b/c
- Công bố thông tin
- Lưu VP Cty

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thanh Hà

## CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025



## **MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
<b>ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 – 34



## CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

# BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Domenal (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

## 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Domenal là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp (nay là sở Tài Chính Tỉnh Đồng Tháp) cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường UpCoM theo Quyết định số 625/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 3397/TB-SGDHN ngày 15 tháng 11 năm 2021:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: DMN
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 12.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 125.000.000.000 VND
- Ngày giao dịch đầu tiên: ngày 22 tháng 11 năm 2021

Trụ sở chính và nhà máy:

- Địa chỉ : Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại : 0277 3 890 711
- Fax : 0277 3 890 717

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất dùng trong nông nghiệp;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, các loại hóa chất.);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá.

Trong kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2025, hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

## 2. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Quản lý điều hành

## 3. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Quản lý điều hành Công ty trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Võ Đình Ân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên
Ông Võ Đình Hải	Thành viên



**Ban Kiểm soát**

Họ và Tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Trưởng ban kiểm soát
Bà Lê Thị Bảo Trâm	Thành viên
Bà Phan Thị Cẩm Hương	Thành viên

**Ban Quản lý Điều hành**

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kiều	Kế toán trưởng

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc

**4. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025, địa chỉ trụ sở chính của Công ty được đổi từ Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam thành Ấp 01, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Ngoài sự kiện này, Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**6. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### 8. Công bố các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



NGUYỄN THANH HÀ

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 8 năm 2025



Số: 160/2025/BCSXHN-HCM.00247

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Quý cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám Đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Domenal và công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**TRANG ĐẮC NHA**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1  
Người được ủy quyền  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>388.833.758.284</b>	<b>318.266.412.492</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.756.855.089	551.264.095
Tiền	111		6.756.855.089	551.264.095
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	4.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>265.382.260.436</b>	<b>204.264.227.824</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	193.688.338.512	144.953.901.493
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	71.472.977.924	57.702.869.331
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	220.944.000	1.607.457.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.6	<b>102.620.148.794</b>	<b>105.218.022.584</b>
Hàng tồn kho	141		102.620.148.794	105.218.022.584
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.074.493.965</b>	<b>8.232.897.989</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	565.551.277	457.822.392
Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.508.426.237	7.774.559.146
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		516.451	516.451
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>255.013.750.526</b>	<b>259.782.235.856</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.379.000.000</b>	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	1.379.000.000	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>155.290.393.765</b>	<b>160.845.766.893</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	144.642.642.084	150.194.936.384
Nguyên giá	222		225.813.978.677	225.172.688.594
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.171.336.593)	(74.977.752.210)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	10.647.751.681	10.650.830.509
Nguyên giá	228		10.686.988.165	10.686.988.165
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(39.236.484)	(36.157.656)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>60.376.784.150</b>	<b>59.885.178.354</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	60.376.784.150	59.885.178.354
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>31.080.134.195</b>	<b>30.444.367.243</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2.2	31.080.134.195	30.444.367.243
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.887.438.416</b>	<b>8.606.923.366</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	6.887.438.416	8.606.923.366
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>643.847.508.810</b>	<b>578.048.648.348</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>474.927.711.040</b>	<b>422.864.626.488</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>335.234.542.792</b>	<b>252.771.458.240</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	78.408.693.186	19.304.776.672
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	18.588.860.688	17.038.758.566
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	579.013.375	316.853.533
Phải trả người lao động	314		2.320.368.184	3.544.303.410
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	1.942.028.427	1.091.871.035
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15.1	4.618.522.063	7.559.564.263
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	228.777.056.869	203.915.330.761
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>139.693.168.248</b>	<b>170.093.168.248</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.15.2	6.500.000.000	6.500.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	133.193.168.248	163.593.168.248
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 06 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	5.17	<b>168.919.797.770</b>	<b>155.184.021.860</b>
Vốn chủ sở hữu	410		168.919.797.770	155.184.021.860
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.974.148.571	5.974.148.571
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.945.649.199	24.209.873.289
LNST chưa phân phối năm trước	421a		24.209.873.289	20.419.020.529
LNST chưa phân phối năm nay	421b		13.735.775.910	3.790.852.760
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>643.847.508.810</b>	<b>578.048.648.348</b>

  
**NGUYỄN THỊ KIỀU**

Người lập/ Kế toán trưởng

  
**NGUYỄN THANH HÀ**

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 8 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		411.049.114.988	420.597.277.434
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		303.000.000	-
Doanh thu thuần	10	6.1	410.746.114.988	420.597.277.434
Giá vốn hàng bán	11	6.2	376.353.278.127	387.971.358.344
Lợi nhuận gộp	20		34.392.836.861	32.625.919.090
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.271.116.651	2.336.263.740
Chi phí tài chính	22	6.4	12.449.116.199	13.690.139.536
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12.398.847.325	13.635.692.297
Lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		635.766.952	1.243.713.867
Chi phí bán hàng	25	6.5	5.576.546.685	7.243.287.993
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	2.241.207.148	12.142.748.669
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		16.032.850.432	3.129.720.499
Thu nhập khác	31		51.367.280	-
Chi phí khác	32	6.7	16.146.660	169.221.983
Lợi nhuận khác	40		35.220.620	(169.221.983)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.068.071.052	2.960.498.516
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	2.332.295.142	247.885.499
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.735.775.910	2.712.613.017
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		13.735.775.910	2.712.613.017
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.099	217

**NGUYỄN THỊ KIỀU**

Người lập/ Kế toán trưởng

**NGUYỄN THANH HÀ**


Tổng Giám đốc


Đồng Tháp, ngày 27 tháng 8 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL  
Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam  
**BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		16.068.071.052	2.960.496.516
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		6.196.663.211	5.034.148.197
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	04		(315.384.997)	(95.861.722)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.091.841)	(2.184.021)
Chi phí lãi vay	06	6.4	12.398.847.325	13.635.692.297
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>34.346.104.750</b>	<b>21.532.291.267</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(64.231.999.573)	44.619.193.324
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		2.597.873.790	(49.860.677.659)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		52.257.509.797	(21.490.148.909)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		1.611.756.065	(401.068.389)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.724.760.589)	(13.613.532.956)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.13	(2.010.000.000)	(5.071.059.662)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>12.846.484.240</b>	<b>(24.285.002.984)</b>
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.132.895.879)	(11.414.876.739)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.091.841	2.184.021
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.130.804.038)</b>	<b>(11.412.692.718)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.1	339.778.652.439	310.235.321.660
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	7.2	(345.316.926.331)	(276.796.597.224)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.538.273.892)</b>	<b>33.438.724.436</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>6.177.406.310</b>	<b>(2.258.971.266)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	5.1	<b>551.264.095</b>	<b>2.687.845.853</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		28.184.684	103.401
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	5.1	<b>6.756.855.089</b>	<b>428.977.988</b>

  
**NGUYỄN THỊ KIỀU**  
Người lập/ Kế toán trưởng

  
**NGUYỄN THANH HÀ**  
Tổng Giám đốc  
Đồng Tháp, ngày 27 tháng 8 năm 2025



## CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Domenal ("Công ty mẹ") và Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát ("công ty con") (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Công ty Cổ phần Domenal (Công ty mẹ) là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 03 năm 2008 và được thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp (nay là Sở Tài chính Tỉnh Đồng Tháp) cấp.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được chấp thuận đăng ký giao dịch trên thị trường UpCoM theo Quyết định số 625/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và theo Thông báo số 3397/TB-SGDHN ngày 15 tháng 11 năm 2021:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: DMN
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 12.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 125.000.000.000 VND
- Ngày giao dịch đầu tiên: ngày 22 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính và nhà máy:

- Địa chỉ : Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Điện thoại : 0277 3 890 711
- Fax : 0277 3 890 717

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Trong 06 tháng đầu năm 2025, hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

### 1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

### 1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Danh sách công ty con, công ty liên kết được hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

#### Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát	Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	100%	100%	100%
Công ty liên kết Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát	Lô 06A, đường Trục Chính, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Phường An Thới Đông, TP. Cần Thơ	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	39,2%	39,2%	39,2%



**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

**1.7 Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 119 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 205 người).

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.



### **Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### **Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trong bảng cân đối kế toán, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của các công ty liên kết. Nếu phần sở hữu của Công ty mẹ trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty mẹ không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính là bằng không (0). Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty mẹ chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

## **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.



• Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.



- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

##### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

#### **4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định hữu hình. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:



	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	09 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị văn phòng	04
Tài sản cố định khác	04

#### 4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao.

##### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

#### 4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.



**4.12 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**4.13 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.14 Tiền lương**

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

**4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**4.16 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó.



Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Trong kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2025, Tập đoàn ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%. Các báo cáo thuế của các Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### **4.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

#### **4.19 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **4.20 Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### **Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan.

Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

**Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

**4.21 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các Công ty/ cá nhân sau đây được xem là các bên liên quan:

Đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát	Công ty liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Tập đoàn (gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Quản lý điều hành và các cá nhân có liên quan đến các nhân sự chủ chốt của Tập đoàn).

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	311.076.794	21.052.141
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	6.405.328.946	449.579.761
- USD (*)	37.746.550	80.632.193
- EUR (*)	2.702.799	-
	<b>6.756.855.089</b>	<b>551.264.095</b>

(\*) Các khoản tiền gửi ngân hàng có số dư gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là:

	Ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- USD (*)	1.456,65	37.746.550
- EUR (*)	89,47	2.702.799
		<b>40.449.349</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 06 tháng, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,80%/năm.

**5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát	31.080.134.195	30.444.367.243
	<b>31.080.134.195</b>	<b>30.444.367.243</b>

Tập đoàn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát, với số lượng 2.940.000 cổ phần, chiếm 39,2% vốn điều lệ. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Trường Phát là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

(\*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tình hình hoạt động của công ty liên kết trong kỳ**

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Tình hình biến động các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết như sau:

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tại ngày đầu kỳ	30.444.367.243	28.779.806.806
Lợi nhuận từ công ty liên kết	635.766.952	1.243.713.867
Tại ngày cuối kỳ	<b>31.080.134.195</b>	<b>30.023.520.673</b>

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Hợp tác xã Nuôi trồng Thủy sản Thốt Nốt	46.880.716.901	30.889.085.775
Đoàn Văn Nê	45.560.777.504	7.875.417.503
Trần Văn Kiệm	18.981.078.207	14.871.789.057
Thalassa Seafoods NV	10.052.085.056	-
Các khách hàng khác	72.213.680.844	91.317.609.158
	<b>193.688.338.512</b>	<b>144.953.901.493</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Trả trước các tổ chức khác</b>		
Công ty TNHH KAWAII NL	45.956.346.601	44.483.907.601
Hợp tác xã Nuôi trồng thủy sản Thốt Nốt	8.495.000.000	8.495.000.000
Các nhà cung cấp khác	17.021.631.323	4.723.961.730
	<b>71.472.977.924</b>	<b>57.702.869.331</b>

**5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác****5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Tạm ứng nhân viên	23.000.000	-	34.000.000	-
Đặc cọc thi công công trình	-	-	1.379.000.000	-
Tạm ứng án phí	136.609.000	-	131.587.000	-
Khác	61.335.000	-	62.870.000	-
	<b>220.944.000</b>	-	<b>1.607.457.000</b>	-

**5.5.2 Phải thu dài hạn khác**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Đặc cọc mua điện	1.379.000.000	-	-	-
	<b>1.379.000.000</b>	-	-	-

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	9.434.443.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	60.902.295.298	-	59.878.725.871	-
Công cụ, dụng cụ	2.585.701.110	-	2.484.367.787	-
Thành phẩm	39.132.152.386	-	23.408.615.926	-
Hàng hóa	-	-	10.011.870.000	-
	<b>102.620.148.794</b>	-	<b>105.218.022.584</b>	-

**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản	227.253.677	42.487.500
Chi phí sửa chữa	-	64.448.843
Công cụ dụng cụ	275.243.219	308.351.679
Chi phí khác	63.054.381	42.534.370
	<b>565.551.277</b>	<b>457.822.392</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL  
Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí sửa chữa, xây dựng	590.594.695	537.231.835
Công cụ dụng cụ	6.247.122.053	8.069.691.531
Chi phí khác	49.721.668	-
	<b>6.887.438.416</b>	<b>8.606.923.366</b>

5.8 Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2025	93.243.205.750	127.640.860.721	5.096.714.923	956.443.200	685.464.000	225.172.688.594
Tăng trong kỳ	122.534.000	518.756.083	-	-	-	641.290.083
Tại ngày 30/06/2025	<b>90.915.739.750</b>	<b>128.159.616.804</b>	<b>5.096.714.923</b>	<b>956.443.200</b>	<b>685.464.000</b>	<b>225.813.978.677</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2025	45.863.819.369	23.598.065.468	3.924.790.576	956.443.200	634.633.597	74.977.752.210
Khấu hao trong kỳ	2.300.792.612	3.840.254.331	41.854.440	-	10.683.000	6.193.584.383
Tại ngày 30/06/2025	<b>48.164.611.981</b>	<b>27.438.319.799</b>	<b>3.966.645.016</b>	<b>956.443.200</b>	<b>645.316.597</b>	<b>81.171.336.593</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2025	44.929.386.381	104.042.795.253	1.171.924.347	-	50.830.403	150.194.936.384
Tại ngày 30/06/2025	<b>42.751.127.769</b>	<b>100.721.297.005</b>	<b>1.130.069.907</b>	<b>-</b>	<b>40.147.403</b>	<b>144.642.642.084</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2025	-	12.212.833.940	3.841.081.696	956.443.200	600.000.000	17.610.358.836
Tại ngày 30/06/2025	<b>18.256.919.507</b>	<b>16.137.902.834</b>	<b>3.841.081.696</b>	<b>956.443.200</b>	<b>600.000.000</b>	<b>39.792.347.237</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tài sản cố định hữu hình là nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị được thế chấp tại ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại là 100.883.112.992 VND (tới ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 105.215.406.321 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**5.9 Tình hình tăng/ giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2025	10.533.835.165	153.153.000	10.686.988.165
Tại ngày 30/06/2025	<b>10.533.835.165</b>	<b>153.153.000</b>	<b>10.686.988.165</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2025	-	36.157.656	36.157.656
Khấu hao trong kỳ	-	3.078.828	3.078.828
Tại ngày 30/06/2025	-	<b>39.236.484</b>	<b>39.236.484</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2025	10.533.835.165	116.995.344	10.650.830.509
Tại ngày 30/06/2025	<b>10.533.835.165</b>	<b>113.916.516</b>	<b>10.647.751.681</b>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2025	-	30.000.000	30.000.000
Tại ngày 30/06/2025	-	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được thế chấp tại Ngân hàng BIDV để đảm bảo cho các khoản vay với giá trị còn lại là 10.533.835.165 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 10.533.835.165 VND).

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2025 VND	Tăng trong kỳ VND	Kết chuyển tài sản cố định VND	30/06/2025 VND
Công trình nhà xưởng	22.503.718.888	-	-	22.503.718.888
Hệ thống bể xử lý nước thải	8.159.213.828	-	-	8.159.213.828
Công trình đường nội bộ	7.367.067.266	-	-	7.367.067.266
Bể cấp nước	3.289.985.006	-	-	3.289.985.006
Hệ thống đường điện	3.178.032.335	-	-	3.178.032.335
Công trình căn tin	2.393.661.830	-	-	2.393.661.830
Trạm biến áp	2.052.593.794	-	-	2.052.593.794
Công trình cầu cảng	752.314.642	-	-	752.314.642
Máy ép đùn	-	372.756.083	(372.756.083)	-
Các công trình khác	10.188.590.765	491.605.796	-	10.680.196.561
	<b>59.885.178.354</b>	<b>864.361.879</b>	<b>(372.756.083)</b>	<b>60.376.784.150</b>

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>				
Công ty TNHH Grainland Việt Nam	21.709.982.500	21.709.982.500	-	-
Đoàn Văn Nê	20.163.553.000	20.163.553.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	36.535.157.686	36.535.157.686	19.304.776.672	19.304.776.672
	<b>78.408.693.186</b>	<b>78.408.693.186</b>	<b>19.304.776.672</b>	<b>19.304.776.672</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**  
 Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Hữu Thành	8.183.101.600	7.067.424.000
Hồ Thị Kim Thoa	5.607.607.686	-
Các khách hàng khác	4.798.151.402	9.971.334.566
	<b>18.588.860.688</b>	<b>17.038.758.566</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà Nước**

	01/01/2025 Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phát sinh trong kỳ Số đã nộp/ khấu trừ VND	30/06/2025 Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	-	(46.951)	-	-	-	(46.951)
Thuế Xuất nhập khẩu	-	(469.500)	-	-	-	(469.500)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	248.224.119	-	2.332.295.142	(2.010.000.000)	570.519.261	-
Thuế thu nhập cá nhân	68.264.044	-	49.607.164	(110.070.304)	7.800.904	-
Thuế tài nguyên	365.370	-	3.036.840	(2.709.000)	693.210	-
Các loại thuế khác	-	-	8.592.134	(8.592.134)	-	-
	<b>316.853.533</b>	<b>(516.451)</b>	<b>2.393.531.280</b>	<b>(2.131.371.438)</b>	<b>579.013.375</b>	<b>(516.451)</b>

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí lãi vay	1.288.930.750	614.844.014
Chi phí xếp dỡ hàng hoá	465.267.667	-
Tiền điện	180.898.888	470.095.899
Khác	6.931.122	6.931.122
	<b>1.942.028.427</b>	<b>1.091.871.035</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Phải trả cổ tức	205.875.000	205.875.000
Kinh phí công đoàn	452.296.702	372.323.702
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	147.363.000	-
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	300.000.000
Phải trả khác	3.812.987.361	6.681.365.561
	<b>4.618.522.063</b>	<b>7.559.564.263</b>

**5.15.2 Phải trả dài hạn khác**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải trả cho các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	6.500.000.000	6.500.000.000
	<b>6.500.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>

**5.16 Vay ngắn hạn, dài hạn****5.16.1 Vay ngắn hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>				
Vay ngắn hạn ngân hàng	214.427.056.869	214.427.056.869	203.915.330.761	203.915.330.761
Nợ dài hạn đến hạn trả	14.350.000.000	14.350.000.000	-	-
	<b>228.777.056.869</b>	<b>228.777.056.869</b>	<b>203.915.330.761</b>	<b>203.915.330.761</b>

Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2025 VND	Số tiền vay phát sinh VND	Kết chuyển từ vay dài hạn VND	Số tiền vay đã trả VND	30/06/2025 VND
<b>Vay ngân hàng</b>					
Ngân hàng					
TMCP Đầu tư và					
Phát triển Việt					
Nam - Chi nhánh					
Bà Chiêu (1)	203.915.330.761	339.778.652.439	-	(329.266.926.331)	214.427.056.869
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>					
Ngân hàng TMCP					
Đầu tư và Phát					
triển Việt Nam -					
Chi nhánh Bà					
Chiêu (xem					
5.16.2)	-	-	14.350.000.000	-	14.350.000.000
	<b>203.915.330.761</b>	<b>339.778.652.439</b>	<b>14.350.000.000</b>	<b>(329.266.926.331)</b>	<b>228.777.056.869</b>

Chi tiết hợp đồng vay như sau:

- (1) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bà Chiêu theo các hợp đồng tín dụng, chi tiết như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

a. Hợp đồng vay	: Số 01/2024/8149071/HĐTD ngày 12/11/2024
Mục đích	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Hạn mức	: 180.000.000.000 VND
Thời hạn	: 12 tháng (đến hết ngày 15/11/2025)
Lãi suất	: 6,10% - 6,40%/năm
Hình thức đảm bảo	: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo hợp đồng này, các hợp đồng cầm cố/ thế chấp/ bảo lãnh/ ký quỹ hoặc các hợp đồng, thỏa thuận khác (gọi chung là hợp đồng bảo đảm) được giao kết giữa ngân hàng và khách hàng/ bên thứ ba trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký kết hợp đồng này mà điều khoản về phạm vi bảo đảm của hợp đồng bảo đảm bao gồm (một cách cụ thể hoặc bao quát) các nghĩa vụ phát sinh từ hoặc có liên quan đến hợp đồng này. Trường hợp bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba thì hợp đồng bảo đảm không bắt buộc phải có sự tham gia ký kết của khách hàng.
Số dư tại ngày 30/06/2025	: 179.998.540.829 VND
b. Hợp đồng vay	: Số 01/2025/16923195/HĐTD ngày 04/06/2025
Mục đích	: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Hạn mức	: 50.000.000.000 VND
Thời hạn	: 12 tháng
Lãi suất	: 5,20% - 5,80%/năm
Hình thức đảm bảo	: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy hải sản Hiệp Thành Phát. Theo hợp đồng thế chấp số 01/2022/16923195/HĐBĐ ngày 25/11/2022.
Số dư tại ngày 30/06/2025	: 34.428.516.040 VND

**5.16.2 Vay và nợ dài hạn**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	147.543.168.248	147.543.168.248	163.593.168.248	163.593.168.248
Nợ dài hạn đến hạn trả	(14.350.000.000)	(14.350.000.000)	-	-
	<b>133.193.168.248</b>	<b>133.193.168.248</b>	<b>163.593.168.248</b>	<b>163.593.168.248</b>

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2025	Số tiền đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay dài hạn – ngân hàng</b>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam				
– Chi nhánh Bà Chiểu (1)	143.593.168.248	(16.050.000.000)	(14.350.000.000)	113.193.168.248
<b>Vay dài hạn – cá nhân</b>				
– Bà Hồ Thị Kim Thoa (2)	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
	<b>163.593.168.248</b>	<b>(16.050.000.000)</b>	<b>(14.350.000.000)</b>	<b>133.193.168.248</b>

Chi tiết hợp đồng vay như sau:

(1) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Chiểu	
(a) Hợp đồng vay	: Hợp đồng tín dụng số 01/2023/8149071/HĐTD ngày 11/07/2023
Mục đích	: Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh
Hạn mức	: 23.483.000.000 VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Thời hạn	: 120 tháng (từ ngày 11/07/2023)
Lãi suất	: 7,90%/năm Lãi suất được điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày 01/01 và 01/07 hàng năm. Lãi suất cho vay kể từ ngày 01/07/2024 bằng lãi suất tiết kiệm dân cư bằng đồng việt nam kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ của BIDV niêm yết + 4%/năm.
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án Đầu tư máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Domenal tại địa chỉ Quốc lộ 30, ấp 1, xã Phong Mỹ, tỉnh Đồng Tháp. Gồm Máy nghiền (theo Hợp đồng số 111-2614 ngày 02/03/2023), máy ép đùn Ex1250 và máy sấy CZD3x16XW.
Số dư tại ngày 30/06/2025	: Số dư nợ gốc: 15.634.416.350 VND : Số dư nợ đến hạn trả: 4.000.000.000 VND
(b) Hợp đồng vay	: 01/2022/16923195/HĐTD ngày 14/10/2022 và phụ lục số 01/2022/16923195/HĐTD-PL01 ngày 02/02/2023
Mục đích	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Hạn mức	: 128.000.000.000 VND
Thời hạn	: 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn khoản vay gốc là 24 tháng.
Lãi suất	: 8,70% - 9,35%/năm (theo quy định của BIDV từng thời kỳ nhận nợ)
Tài sản đảm bảo	: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy hải sản của Công ty TNHH Thủy sản Hiệp Thành Phát. Theo hợp đồng thế chấp số 01/2022/16923195/HĐBĐ ngày 25/11/2022.
Số dư tại ngày 30/06/2025	: Số dư nợ gốc: 97.558.751.898 VND : Số dư nợ đến hạn trả: 10.350.000.000 VND
(2) Vay dài hạn cá nhân – Vay của bà Hồ Thị Kim Thoa	
Hợp đồng vay	: 01/GTKH/DMN_HTKT ngày 30/05/2023 và phụ lục hợp đồng số: 01/GTKH/HMD_HTKT ngày 30/05/2025
Mục đích	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Hạn mức	: 20.000.000.000 VND
Thời hạn	: 36 tháng (từ ngày 01/06/2023 đến ngày 30/11/2027)
Lãi suất	: 8%/năm
Tài sản đảm bảo	: Không
Số dư tại ngày 30/06/2025	: 20.000.000.000 VND

**5.16.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có nợ vay quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**5.17 Vốn chủ sở hữu ("CSH")****5.17.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	125.000.000.000	5.974.148.571	20.419.020.529	151.393.169.100
Lãi trong kỳ	-	-	2.712.613.017	2.712.613.017
<b>Tại ngày 30/06/2024</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>5.974.148.571</b>	<b>23.131.633.546</b>	<b>154.105.782.117</b>
Tại ngày 01/07/2024	125.000.000.000	5.974.148.571	23.131.633.546	154.105.782.117
Lãi trong kỳ	-	-	1.078.239.743	1.078.239.743
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>5.974.148.571</b>	<b>24.209.873.289</b>	<b>155.184.021.860</b>
Tại ngày 01/01/2025	125.000.000.000	5.974.148.571	24.209.873.289	155.184.021.860
Lãi trong kỳ	-	-	13.735.775.910	13.735.775.910
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>5.974.148.571</b>	<b>37.945.649.199</b>	<b>168.919.797.770</b>

**5.17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400641835 thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 01 năm 2017, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp (nay là Sở Tài chính Tỉnh Đồng Tháp), vốn điều lệ của Công ty mẹ là 125.000.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ.

Cổ đông	30/06/2025			01/01/2025		
	Cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)
Ông Võ Đình Ân	8.996.720	89.967.200.000	71,97%	8.996.720	89.967.200.000	71,97%
Các cổ đông khác	3.503.280	35.032.800.000	28,03%	3.503.280	35.032.800.000	28,03%
	<b>12.500.000</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>12.500.000</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

**5.17.3 Cổ phiếu**

	30/06/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**5.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****5.18.1 Ngoại tệ các loại**

	30/06/2025	01/01/2025
Đô la Mỹ (USD)	1.546,12	3.181,52
Euro (EUR)	89,47	-

**5.18.2 Nợ khó đòi đã xử lý**

	30/06/2025	01/01/2025	Nguyên nhân xóa sổ
	VND	VND	
Nguyễn Văn Tâm	-	2.463.050.588	Không có khả năng thu hồi



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND	Nguyên nhân xóa sổ
Nguyễn An Khanh	-	62.237.100	Không có khả năng thu hồi
Nguyễn Văn Dạng	-	1.197.929.150	Không có khả năng thu hồi
Phạm Thị Kiều	-	1.002.548.330	Không có khả năng thu hồi
Nguyễn Kim Khiết	-	2.620.588.810	Không có khả năng thu hồi
Huỳnh Văn Thi	-	1.033.673.825	Không có khả năng thu hồi
Võ Văn Hồng	-	1.937.321.206	Không có khả năng thu hồi
Võ Văn Bé	-	38.282.433	Không có khả năng thu hồi
Trần văn Phúc	-	604.516.663	Không có khả năng thu hồi
Phan Thị Mơ	-	4.831.250	Không có khả năng thu hồi
Phan Văn Dũng	-	462.978.775	Không có khả năng thu hồi
Phạm Thanh Trà	-	523.626.972	Không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần STEVINA	-	680.000.000	Không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Việt Thuận Tiến	-	57.840.000	Không có khả năng thu hồi
Nguyễn Thị Thúy Vi	-	180.641.217	Không có khả năng thu hồi
Trần Văn Thức	-	104.952.643	Không có khả năng thu hồi
Huỳnh Thanh Bình	-	1.553.290.285	Không có khả năng thu hồi
Trần Hữu Nghĩa	-	3.190.231.260	Không có khả năng thu hồi
Lê Thanh Vân	-	22.403.178	Không có khả năng thu hồi
DNTN Thanh Hải	-	3.400.000.000	Không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH MTV Minh Chánh	-	2.697.792.212	Không có khả năng thu hồi
Nguyễn Văn Niên	-	474.425.214	Không có khả năng thu hồi
Phạm Minh Phương	-	20.580.509	Không có khả năng thu hồi
Hà Thanh Nhựt	-	1.067.396.819	Không có khả năng thu hồi
Đặng Thụy Tường	-	2.086.190.537	Không có khả năng thu hồi
Hồ Văn Đệ	-	197.405.000	Không có khả năng thu hồi
	-	<b>27.684.733.976</b>	

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán thành phẩm	406.484.148.988	333.257.613.824
Doanh thu bán hàng hóa	174.000.000	87.339.663.610
Doanh thu khác	4.390.966.000	-
	<b>411.049.114.988</b>	<b>420.597.277.434</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	(303.000.000)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>410.746.114.988</b>	<b>420.597.277.434</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Giá vốn bán thành phẩm	373.380.912.510	305.994.993.369
Giá vốn bán hàng hóa	168.000.000	81.976.364.975
Giá vốn khác	2.804.365.617	-
	<b>376.353.278.127</b>	<b>387.971.358.344</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
Lãi tiền gửi	2.091.841	2.184.021
Lãi bán hàng trả chậm	472.109.745	1.111.093.264
Lãi chênh lệch tỷ giá trong kỳ	481.530.068	1.127.124.733
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối kỳ	315.384.997	95.861.722
	<b>1.271.116.651</b>	<b>2.336.263.740</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
Chi phí lãi vay	12.398.847.325	13.635.692.297
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	50.268.874	43.435.103
Chi phí tài chính khác	-	11.012.136
	<b>12.449.116.199</b>	<b>13.690.139.536</b>

**6.5 Chi phí bán hàng**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
Chi phí hoa hồng bán hàng	514.304.808	722.968.749
Chi phí khấu hao tài sản cố định	145.265.683	-
Chi phí vận chuyển	4.380.782.056	5.928.065.842
Chi phí khác	536.194.138	592.253.402
	<b>5.576.546.685</b>	<b>7.243.287.993</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	729.405.847	614.506.770
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.063.227	621.935.987
Xoá sổ các khoản công nợ phải thu không thể thu hồi	-	9.966.193.469
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.408.738.074	940.112.443
	<b>2.241.207.148</b>	<b>12.142.748.669</b>

**6.7 Chi phí khác**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>
Lãi phạt chậm nộp thuế	1.609.095	6.500.000
Chi phí khác	14.537.565	162.721.983
	<b>16.146.660</b>	<b>169.221.983</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

		<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	13.735.775.910	2.712.613.017
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ		-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	13.735.775.910	2.712.613.017
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	<b>1.099</b>	<b>217</b>

**6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	338.506.130.014	329.062.570.243
Chi phí nhân viên	14.644.415.871	14.191.484.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.196.663.211	5.034.148.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.342.615.792	14.202.797.232
Chi phí bằng tiền khác	6.079.080.862	18.283.654.083
	<b>386.768.905.750</b>	<b>380.774.654.455</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****7.1 Tiền thu từ đi vay**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	339.778.652.439	310.235.321.660
	<b>339.778.652.439</b>	<b>310.235.321.660</b>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	345.316.926.331	276.796.597.224
	<b>345.316.926.331</b>	<b>276.796.597.224</b>

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Ngoài ra, nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam.

Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1 Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 06 năm 2025</b>			
Các khoản vay và nợ	228.777.056.869	133.193.168.248	361.970.225.117
Phải trả người bán	78.408.693.186	-	78.408.693.186
Chi phí phải trả	1.935.097.305	-	1.935.097.305
Các khoản phải trả khác	4.166.225.361	6.500.000.000	10.666.225.361
	<b>313.287.072.721</b>	<b>139.693.168.248</b>	<b>452.980.240.969</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>			
Các khoản vay và nợ	203.915.330.761	163.593.168.248	367.508.499.009
Phải trả người bán	19.304.776.672	-	19.304.776.672
Chi phí phải trả	1.091.871.035	-	1.091.871.035
Các khoản phải trả khác	6.981.365.561	6.500.000.000	13.481.365.561
	<b>231.293.344.029</b>	<b>170.093.168.248</b>	<b>401.386.512.277</b>

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Tập đoàn đã cầm cố bất động sản của mình vào các khoản vay (thuyết minh số 5.2, 5.5, 5.7 và 5.8).

Tập đoàn có nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2025 và 31/12/2024 (thuyết minh 5.15.2)

**iv. Giá trị hợp lý**

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND	30/06/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng	193.688.338.512	144.953.901.493	193.688.338.512	144.953.901.493
Phải thu khác	1.515.609.000	131.587.000	1.515.609.000	131.587.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.756.855.089	551.264.095	6.756.855.089	551.264.095
	<b>209.960.802.601</b>	<b>145.636.752.588</b>	<b>209.960.802.601</b>	<b>145.636.752.588</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	361.970.225.117	367.508.499.009	361.970.225.117	367.508.499.009
Phải trả người bán	78.408.693.186	19.304.776.672	78.408.693.186	19.304.776.672
Chi phí phải trả	1.935.097.305	1.091.871.035	1.935.097.305	1.091.871.035
Các khoản phải trả khác	10.666.225.361	13.481.365.561	10.666.225.361	13.481.365.561
	<b>452.980.240.969</b>	<b>401.386.512.277</b>	<b>452.980.240.969</b>	<b>401.386.512.277</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

**9. CÁC THÔNG TIN KHÁC****9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DOMENAL**

Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.*

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính Tập đoàn không có số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

		Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
<b>Tiền lương và các khoản thu nhập khác</b>			
Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc	102.240.000	102.240.000
Võ Đình Hải	Thành viên HĐQT	45.240.000	45.240.000
Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Trưởng ban kiểm soát	35.000.000	-
Nguyễn Ngọc Yến	Trưởng ban kiểm soát	-	42.722.400
Phan Thị Cẩm Hương	Thành viên ban kiểm soát	30.000.000	39.200.000
Lê Thị Bảo Trâm	Thành viên ban kiểm soát	30.000.000	35.499.575
Nguyễn Thị Kiều	Kế toán trưởng	48.000.000	48.000.000

**9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính Tập đoàn không có giao dịch và số dư với các bên liên quan.

**9.2 Thông tin bộ phận**


Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Tập đoàn không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tập đoàn không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thức ăn cho thủy sản và sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu.

**9.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2025, địa chỉ Trụ sở chính của Công ty được đổi từ Quốc lộ 30, Ấp 1, Xã Phong Mỹ, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam thành Ấp 01, Xã Phong Mỹ, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Ngoài sự kiện này ra, Tập đoàn không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

  
**NGUYỄN THỊ KIỀU**  
Người lập/ Kế toán trưởng

  
**NGUYỄN THANH HÀ**  
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 8 năm 2025



**CTY CP DOMENAL**

Mã cổ phiếu: DMN

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----

Số: **82/2025/DMN**

*Đồng Tháp, ngày 30 tháng 08 năm 2025*

*V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận*

*từ 10% trở lên*

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công Ty Cổ Phần Domenal kính giải trình lợi nhuận sau thuế chênh lệch từ 10% trở lên như sau:

Khoản nợ phải thu khó đòi chưa được Công ty lập dự phòng đầy đủ từ nhiều năm trước. Trong 6 tháng đầu năm 2024 Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi theo đúng quy định đã làm cho chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên rất nhiều.

Trong 6 tháng đầu năm 2025 Công ty không phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi, hoạt động kinh doanh hiệu quả đúng như kế hoạch đề ra nên kết quả kinh doanh 6 tháng đầu 2025 có lợi nhuận tốt hơn so với 6 tháng đầu năm 2024.

Trân trọng!

Nơi gửi:

- Như kính gửi
- HĐQT, BKS để b/c
- Công bố thông tin
- Lưu VP Cty

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Thanh Hà*